

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829605] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2305A)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		<i>Bac</i>	7,5	8,5	8,1
2	2123050188	Châu Du	18/05/2005	CCQ2305A					
3	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A		<i>Duy</i>	8,5	8,5	8,5
4	2123050019	Nguy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A		<i>Nguy</i>	8,5	9,0	8,8
5	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A		<i>Hieu</i>	8,0	8,5	8,3
6	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		<i>Hoa</i>	8,0	9,0	8,6
7	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A		<i>Huy</i>	9,0	8,0	8,4
8	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A		<i>Hoang</i>	9,5	9,0	9,2
9	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A					
10	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		<i>Kiet</i>	9,5	9,0	9,2
11	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A		<i>Lyc</i>	8,0	8,0	8,0
12	2123050007	Vũ Văn Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		<i>Mans</i>	9,0	9,0	9,0
13	2123050213	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A		<i>Phu</i>	7,0	8,0	7,6
14	2123050032	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A		<i>Quy</i>	9,0	9,0	9,0
15	2123050009	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		<i>Son</i>	8,5	8,5	8,5
16	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		<i>Tan</i>	7,0	7,0	7,0
17	2123050233	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A		<i>Thanh</i>	7,0	7,0	7,0
18	2123050047	Nguyễn Toàn	21/04/2005	CCQ2305A		<i>Toan</i>	7,0	7,0	7,0
19	2123050042	Nguyễn Văn Trí	24/08/2005	CCQ2305A		<i>Tri</i>	7,0	8,0	7,6
20	2123050030	Trần Hưng Trung	23/07/2005	CCQ2305A		<i>Trung</i>	7,0	8,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829606] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2305B)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 22...

Số bài thi:22...

Số tờ giấy thi: 22.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	<i>Linh</i>	8,0	7,5	7,7
2	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	<i>Cang</i>	8,5	8,5	8,5
3	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	<i>Đ</i>	8,5	8,0	8,2
4	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	<i>Danh</i>	9,0	8,5	8,7
5	2123050072	Võ Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	<i>Đạt</i>	7,0	8,5	7,9
6	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	<i>B</i>	8,5	8,5	8,5
7	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	<i>H</i>	9,0	8,5	8,7
8	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	<i>Hưng</i>	8,5	9,0	8,8
9	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D	<i>Hy</i>	7,0	7,0	7,0
10	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	<i>Kha</i>	8,0	7,0	7,4
11	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	<i>Khoa</i>	8,5	8,5	8,5
12	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	<i>K</i>	8,0	7,0	7,4
13	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B	<i>Lam</i>	7,5	8,5	8,1
14	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	<i>Long</i>	9,0	9,0	9,0
15	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	<i>L</i>	7,5	7,0	7,2
16	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B	<i>B</i>	8,5	9,0	8,8
17	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	<i>Minh</i>	7,0	7,0	7,0
18	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B				
19	2123050053	Đinh Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	<i>Đ</i>	7,0	7,0	7,0
20	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	<i>P</i>	7,0	7,5	7,3
21	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	<i>N</i>	8,5	8,5	8,5
22	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	<i>Phong</i>	8,5	9,0	8,8
23	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	<i>T</i>	7,0	7,0	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829610] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2305A)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi: 18...

Số tờ giấy thi: 18...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		9,0	8,5	8,7
2	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		7,0	7,5	7,3
3	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B		8,0	8,5	8,3
4	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B		7,5	7,0	7,2
5	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Sơn	28/10/2005	CCQ2305B		8,5	9,0	8,8
6	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		8,5	8,0	8,2
7	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		8,0	8,0	8,0
8	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B		8,5	8,5	8,5
9	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B		8,0	8,5	8,3
10	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B		9,0	9,0	9,0
11	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		8,5	8,0	8,2
12	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B		7,5	7,0	7,2
13	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		9,0	8,5	8,7
14	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A		7,0	8,0	7,6
15	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A		7,5	7,5	7,5
16	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B		7,0	8,0	7,6
17	2123050081	Tô Quốc	Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B		9,0	9,0	9,0
18	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B				
19	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A				
20	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B		9,0	9,0	9,0